**Thủ tục 1: Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi Sở Tài chính**

**1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá (sau đây gọi tắt là Biểu mẫu) và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu).

Bước 2:

 a) Đối với Biểu mẫu gửi trực tiếp:

 - Trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận Biểu mẫu đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và trả ngay 01 bản Biểu mẫu cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp; đồng thời chuyển ngay 01 bản Biểu mẫu đến lãnh đạo cơ quan vàcác phòng, ban nghiệp vụ theo thẩm quyền trong ngày làm việc hoặc đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo để thực hiện rà soát;

 - Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận Biểu mẫu ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay Biểu mẫu cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp.

 b) Đối với Biểu mẫu gửi qua đường công văn, fax, thư điện tử:

 - Khi nhận được Biểu mẫu, cán bộ tiếp nhận kiểm tra thành phần, số lượng Biểu mẫu, trường hợp Biểu mẫu có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào Biểu mẫu và chuyển ngay theo đường bưu điện 01 bản Biểu mẫu cho tổ chức, cá nhân; đồng thời, chuyển ngay 01 bản Biểu mẫu đến lãnh đạo cơ quan, phòng, ban nghiệp vụ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát ngay trong ngày làm việc hoặc đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo;

 - Trường hợp Biểu mẫu không đủ thành phần, số lượng theo quy định, tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biểu mẫu, cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo qua đường công văn, fax, thư điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bổ sung thành phần, số lượng Biểu mẫu. Ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ thành phần, số lượng Biểu mẫu được tính là ngày tiếp nhận Biểu mẫu, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào Biểu mẫu.

c) Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu quy định tại điểm a, điểm b khoản này, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

**2. Cách thức thực hiện:** Doanh nghiệp lập hồ sơ gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc qua thư điện tử đến cơ quan tiếp nhận.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần:

- Công văn gửi Bảng đăng ký giá theo Mẫu do Bộ Tài chính quy định;

- Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể;

- Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

\* Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu theo quy định, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký..

- Trường hợp Biểu mẫu có nội dung chưa rõ hoặc cần phải giải trình về các yếu tố hình thành giá tăng hoặc giảm làm cho mức giá đăng ký tăng hoặc giảm thì tổ chức, cá nhân giải trình và gửi văn bản giải trình đến cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình cho đến ngày cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu nhận văn bản giải trình của tổ chức, cá nhân tính theo dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu hoặc ngày gửi ghi trong thư điện tử của tổ chức, cá nhân.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tài chính

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Lưu hồ sơ hoặc văn bản trả lời trong trường hợp Biểu mẫu đăng ký giá có nội dung chưa rõ hoặc cần phải giải trình về các yếu tố hình thành giá tăng hoặc giảm.

**8. Phí, Lệ phí:**

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

[- Biểu mẫu đăng ký giá ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính](#_Toc384227947) (Phụ lục số 01);

[- Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể (Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính);](#_Toc384227948)

- Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá (Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Khi hoàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục quy định tại khoản 02 Điều 15 của Luật Giá có biến động bất thường;

- Khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giá số 11/2012/QH13 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2013);

- Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

# - Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

**Phụ lục số 1: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính )*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị đăng ký giá--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số ........./ .....V/v:  đăng ký giá | *... , ngày ...  tháng ...   năm ....* |

Kính gửi: (*Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)*

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

... *(tên đơn vị đăng ký)* gửi Biểu mẫu đăng ký giá ..... gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... *(tên đơn vị đăng ký)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**(Ký tên, đóng dấu) |

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:...............................................................................

- Số điện thoại liên lạc:.........................................................................................

- Số fax:..............................................................................................................

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

*1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)*

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vịthực hiện đăng ký giá--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *........., ngày ......tháng ....... năm .....* |

**BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ**

*(Kè theo công văn số.........ngày.......tháng.......năm........của Công ty........)*

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....................

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.............cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa, dịch vụ** | **Quy cách, chất lượng** | **Đơn vị tính** | **Mức giá đăng ký hiện hành**  | **Mức giá đăng ký mới** | **Mức tăng/ giảm** | **Tỷ lệ % tăng/ giảm** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |   |   |   |   |   |   |   |

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị thực hiện đăng ký giá--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *.........., ngày......  tháng.......năm .....* |

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  ĐĂNG KÝ GIÁ**

*(Kèm theo công văn số.........ngày.......tháng.......năm........của.........)*

**(Đối với mặt hàng nhập khẩu)**

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản mục chi phí** | **Đơn vị tính** | **Thành tiền**  | **Ghi chú** |
| **A** | **Sản lượng nhập khẩu** |   |   |   |
| **B** | **Giá vốn nhập khẩu** |   |   |   |
| 1 | Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF) |   |   |   |
| 2 | Thuế nhập khẩu |   |   |   |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) |   |   |   |
| 4 | Các khoản thuế, phí khác (nếu có) |   |   |   |
| 5 | Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có) |   |   |   |
| **C** | **Chi phí chung** |  |  |  |
| 6 | Chi phí tài chính (nếu có) |   |   |   |
| 7 | Chi phí bán hàng |   |   |   |
| 8 | Chi phí quản lý |   |   |   |
| **D** | **Tổng chi phí** |   |   |   |
| **Đ** | **Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm** |   |   |   |
| **E** | **Lợi nhuận dự kiến** |   |   |   |
| **G** | **Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định** |   |   |   |
| **H** | **Giá bán dự kiến** |   |   |   |

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)

2. Thuế nhập khẩu

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)

4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)

5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)

6. Chi phí tài chính (nếu có)

7. Chi phí bán hàng

8. Chi phí quản lý

9. Lợi nhuận dự kiến

10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định

11. Giá bán dự kiến

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị thực hiện đăng ký giá--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *.........., ngày......  tháng.......năm .....* |

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  ĐĂNG KÝ GIÁ**

*(Kèm theo công văn số.........ngày.......tháng.......năm........của.........)*

**(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)**

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Khoản mục chi phí** | **ĐVT** | **lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| **1** | **Chi phí sản xuất:** |   |   |   |   |
| 1.1 | Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp |   |   |   |   |
| 1.2 | Chi phí nhân công trực tiếp |   |   |   |   |
| 1.3 | Chi phí sản xuất chung: |   |   |   |   |
| a | *Chi phí nhân viên phân xưởng* |   |   |   |   |
| b | *Chi phí vật liệu* |   |   |   |   |
| c | *Chi phí dụng cụ sản xuất* |   |   |   |   |
| d | *Chi phí khấu hao TSCĐ* |   |   |   |   |
| đ | *Chi phí dịch vụ mua ngoài* |   |   |   |   |
| e | *Chi phí bằng tiền khác* |   |   |   |   |
|   | Tổng chi phí sản xuất : |   |   |   |   |
| **2** | Chi phí bán hàng |  |  |  |  |
| **3** | Chi phí quản lý doanh nghiệp |  |  |  |  |
| **4** | Chi phí tài chính |   |   |   |   |
|   | Tổng giá thành toàn bộ |   |   |   |   |
| **5** | **Lợi nhuận dự kiến** |  |  |  |  |
|   | **Giá bán chưa thuế**  |   |   |   |   |
| **6** | **Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)** |  |  |  |  |
| **7** | **Thuế giá trị gia tăng (nếu có)** |   |   |   |   |
|   | **Giá bán (đã có thuế)** |   |   |   |   |

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Chi phí sản xuất

2. Chi phí bán hàng

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

4. Chi phí tài chính

5. Lợi nhuận dự kiến

6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)

7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)

8. Giá bán (đã có thuế)